

NGUYỄN VĂN LUY – LÊ MỸ DUNG

MODULE MN

4

**ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN
NHẬN THỨC, NHỮNG MỤC TIÊU
VÀ KẾT QUẢ MONG ĐỢI Ở
TRẺ MẦM NON VỀ NHẬN THỨC**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- Giáo dục mầm non là giai đoạn đầu của quá trình giáo dục, giáo viên mầm non có vị trí quan trọng trong việc đặt nền móng nhân cách của con người, làm tiền đề cho sự phát triển lâu dài sau này. Giáo viên mầm non là người góp phần quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non.
- Sự hiểu biết những đặc điểm phát triển nhận thức ở trẻ mầm non giúp nhà giáo dục có phương pháp giáo dục hiệu quả cho từng lứa tuổi nhất định và hơn nữa cho từng em trên cơ sở vận dụng những hiểu biết này vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Đối với giáo viên mầm non, để có nghiệp vụ sư phạm tốt, mỗi người cần nắm vững khoa học tâm lý nhằm làm chủ quá trình học tập và rèn luyện để trở thành người giáo viên có tay nghề vững vàng.



B. MỤC TIÊU

Sau khi kết thúc đợt hoạt động tập huấn module, học viên đạt được những vấn đề sau:

1. VỀ NHẬN THỨC

- Học viên **PHÁT BIỂU** được đặc điểm phát triển nhận thức ở trẻ mầm non, làm cơ sở để chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.
- Học viên **PHÂN TÍCH** được những đặc điểm mang tính quy luật về sự chuyển đoạn trong tiến trình phát triển của trẻ từ lọt lòng đến 6 tuổi.
- Học viên **XÁC ĐỊNH** được mục tiêu phát triển nhận thức ở trẻ mầm non.

2. VỀ KĨ NĂNG

- Học viên **SỬ DỤNG** được một số phương pháp, kĩ thuật đơn giản, **ỨNG DỤNG** vào việc chăm sóc và giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non.
- Bước đầu **TỰ ĐUA RA** được các cách thức riêng, phù hợp để chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non ở mức độ nhất định.

3. VỀ THÁI ĐỘ

- Học viên có thái độ **KHÁCH QUAN, KHOA HỌC, THẬN TRỌNG** trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

- Học viên có ý thức TỰ RÈN LUYỆN thường xuyên để nâng cao trình độ kĩ năng chăm sóc và giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ lứa tuổi mầm non.



C. NỘI DUNG

Hoạt động 1: Xác định đặc điểm phát triển nhận thức ở trẻ trong năm đầu (từ lọt lòng đến 15 tháng)

1.1. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm phát triển nhận thức ở trẻ trong năm đầu (từ lọt lòng đến 15 tháng).
- Liên hệ được với thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ ở lứa tuổi này.

1.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

a. Về nhận thức cảm tính

- Trẻ sơ sinh chưa có tri giác, trẻ chưa tiếp nhận rõ ràng kích thích từ bên ngoài. Trong tuần đầu ở trẻ mới nảy sinh cảm giác, được biểu hiện ở những phản ứng vận động của trẻ – là những phản xạ định hướng. Hết tuần đầu, trẻ bắt đầu có những phản ứng phân định. Cho đến tuần thứ sáu, trẻ có thể cảm nhận được một số kích thích từ môi trường bên ngoài, đặc biệt trẻ sớm nhận ra mặt người, đây là một đặc điểm quan trọng của trẻ sơ sinh, biểu hiện nhu cầu về ấn tượng bên ngoài của trẻ. Chính nhu cầu này là cơ sở cho những nhu cầu khác của trẻ như nhu cầu giao tiếp, nhu cầu nhận thức...
- Qua tháng thứ hai, cảm giác từ mắt mới bắt đầu đóng vai trò quan trọng, trẻ thường nhìn mắt mẹ lúc bú. Đến tháng thứ ba, trẻ nhận ra một hình tổng thể 3 chiều, sự xuất hiện cảm giác từ xa giúp cho định hướng vào môi trường, ở thời kì này, vai trò của môi miệng vẫn là chủ yếu.
- Từ tháng thứ ba ở trẻ xuất hiện sự phân tích và tổng hợp phức hợp các kích thích phức tạp, trẻ bắt đầu tri giác sự vật – những cái có ý nghĩa hơn cả đối với cuộc sống của trẻ, trước hết là người mẹ, sau đó là các đồ vật khác. Trẻ bắt đầu dùng hai tay để sờ mó đồ vật. Hai bàn tay tạo ra những ấn tượng xúc giác về đồ vật, giúp cho trẻ biết được vài đặc tính đơn giản của chúng. Đến tháng thứ tư trẻ bắt đầu nắm lấy đồ vật. Nhiều khi trẻ

nắm chắc trong tay một đồ vật lâu, nhưng vẫn chưa làm chủ hoàn toàn hành động nắm. Càng về cuối năm động tác nắm càng chính xác hơn.

- Từ tháng 10 – 11 xuất hiện tri giác nhìn hình dạng và độ lớn, thể hiện sau khi nhìn đồ vật định lấy, trẻ đặt bàn tay phù hợp với thuộc tính của đối tượng.

Sự nhận biết được hình thành qua một quá trình kéo dài từ sơ sinh đến 18 tháng với 6 giai đoạn:

- Hai giai đoạn đầu là phản xạ, rồi một số vận động được lặp lại thành quen thuộc (chủ yếu ở trẻ sơ sinh và đầu tuổi hai nhi).
- Giai đoạn 3: xuất hiện phản ứng quay vòng, một vận động tạo ra một kết quả. Ví dụ: lắc một vật tạo ra tiếng kêu rồi trẻ lắc lại để tìm ra tiếng kêu.
- Giai đoạn 4: đang tìm một vật gì, thấy vật đó biến mất trẻ có ý tìm nhưng không có hướng tìm.
- Giai đoạn 5: đang tìm một vật gì, thấy biến mất, tìm ngay chỗ mà trẻ thấy đồ vật biến mất.
- Giai đoạn 6: dù có thấy hay không thấy đồ vật khi biến mất, trẻ vẫn tìm.
- Tri giác của trẻ liên hệ mật thiết với hành động. Trẻ có thể “tri giác khá” chính xác các thuộc tính, hình dạng, đặc điểm, màu sắc của đối tượng, vị trí của chúng trong không gian khi trẻ cần xác định những thuộc tính đó trong hoạt động thực tiễn vừa sức đối với trẻ.
- Đến tuổi hai nhi, trẻ đã bắt đầu tri giác thuộc tính của đồ vật xung quanh, nắm được những mối liên hệ đơn giản nhất giữa những đồ vật đó và đã bắt đầu sử dụng các mối liên hệ này trong các hành động chơi nghịch của mình.
- Tri giác bằng tai phát triển mạnh gắn liền với giao tiếp bằng ngôn ngữ. Trẻ hai tuổi đã phân biệt được khá tốt âm thanh ngôn ngữ, cũng như âm thanh âm nhạc. Điều này có ý nghĩa quan trọng cho ngôn ngữ phát triển và năng lực âm nhạc được hình thành.

b. Về trí nhớ

- Trẻ mới sinh chưa có trí nhớ, trong năm đầu trẻ tích lũy được một số kinh nghiệm thực tiễn và cảm tính mà ở trẻ những biểu tượng sơ đẳng được hình thành.
- Cuối năm thứ nhất, trẻ có khả năng nhớ lại. Ví dụ, trẻ cố tìm vật thể bị mất, quay đầu về sự vật được gọi đến.

c. Về nhận thức lí tính

- Khi mới sinh, trẻ chưa có tưởng tượng và tư duy. Nhận thức của trẻ bắt đầu từ cảm giác và tri giác sự vật, hiện tượng, hình ảnh đồ của chúng được lưu giữ lại trong trí nhớ.
- Việc nhận thức của trẻ được tiến hành trong quá trình hành động thực tiễn làm cho biểu tượng của trẻ về sự vật, hiện tượng ngày càng rõ ràng, chính xác, đồng thời trẻ còn khái quát kinh nghiệm thu thập được.
- Cuối tuổi hài nhi, ở nhiều trẻ đã xuất hiện những hành động có thể coi đó là mầm mống của tư duy, ví dụ: trẻ kéo cái rổ để lấy quả cam đựng trong đó, như vậy là trẻ biết sử dụng mối liên hệ giữa đối tượng để đạt tới mục đích.

1.3. CÁCH TIẾN HÀNH

- Tự nghiên cứu văn bản tài liệu và tài liệu tham khảo.
- Quan sát trẻ trong thực tế.
- Trao đổi nhóm, phân tích, rút ra những đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ lứa tuổi ấu nhi (từ lọt lòng đến 15 tháng) và những khó khăn gặp phải trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ nếu không hiểu rõ các đặc điểm đó.

1.4. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích đặc điểm hoạt động nhận thức cảm tính của trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 đến 15 tháng). Cho một ví dụ minh họa.
- Phân tích đặc điểm trí nhớ của trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 đến 15 tháng). Cho một ví dụ minh họa.
- Phân tích đặc điểm tưởng tượng và tư duy của trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 đến 15 tháng). Cho một ví dụ minh họa.
- Đề xuất biện pháp phát triển hoạt động nhận thức cho trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 đến 15 tháng).

1.5. PHẢN HỒI

- Nắm vững những nội dung chính ở phần thông tin về đặc điểm phát triển hoạt động nhận thức của trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 – 15 tháng).
- Biện pháp phát triển hoạt động nhận thức cho trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 đến 15 tháng):

- + Giữ gìn vệ sinh thân thể, phòng chữa bệnh kịp thời, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt.
- + Tích cực rèn luyện các giác quan cho trẻ.

Hoạt động 2: Xác định đặc điểm phát triển nhận thức ở trẻ ấu nhi (từ 15 tháng đến 36 tháng)

2.1. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm phát triển nhận thức (cảm tính và lí tính) ở trẻ ấu nhi (từ 15 tháng đến 36 tháng);
- Liên hệ được với thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ ở lứa tuổi này ở nhà trường mầm non hiện nay;
- Xác định được mục tiêu phát triển nhận thức trong chương trình giáo dục mầm non mới hiện nay ở trẻ trong lứa tuổi này.

2.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

a. Về nhận thức cảm tính

- Đầu tuổi ấu nhi, tri giác của trẻ chưa hoàn thiện, trẻ chỉ nắm một dấu hiệu, một thuộc tính nào đó, dựa vào nó để nhận biết đối tượng. Những hành động tri giác được hình thành trong quá trình cầm nắm, chơi nghịch nói chung chưa có ý nghĩa nhận biết đối tượng. Tri giác của trẻ được tinh vi, đầy đủ dần chính là nhờ trẻ được hoạt động với đồ vật, nhất là hành động công cụ và hành động thiết lập các mối tương quan. Trong khi hành động với một đồ vật nào đó để lĩnh hội được phương thức sử dụng nó thì đồng thời cũng tri giác được kích thước và hình dạng của nó.
- Từ sự đối chiếu, so sánh những thuộc tính của các đối tượng bằng các hành động định hướng bên ngoài, trẻ chuyển sang so sánh, đối chiếu những thuộc tính của các đối tượng bằng mắt. Một kiểu hành động tri giác mới được hình thành. Trẻ dùng mắt để lựa những đối tượng hay bộ phận cần thiết để hành động được phù hợp ngay mà không cần phải ước thử như trước đây. Chúng được phát triển mạnh ở trẻ lên 3 tuổi.
- Hành động định hướng bằng mắt cho phép trẻ tích lũy được khá nhiều biểu tượng về các đối tượng trong hiện thực và được ghi lại trong kí ức, biến thành các mẫu để so sánh với các vật khác trong khi tri giác chúng. Ví dụ: tri giác với các đồ vật có hình tam giác, trẻ nói là “giống cái nhà”... Việc tích lũy biểu tượng về thuộc tính của các đồ vật tùy thuộc vào mức

độ trẻ làm chủ được sự định hướng bằng mắt trong quá trình hành động với đồ vật.

- Cuối 3 tuổi các hành động định hướng phát triển mạnh, trẻ có thể hành động theo mẫu người lớn yêu cầu.
- Tri giác mối quan hệ giữa các âm thanh theo độ cao cũng được phát triển tốt ở trẻ ấu nhi. Cuối 2 tuổi trẻ tri giác bằng tai được tất cả các âm của tiếng mẹ đẻ.
- Tóm lại, trong suốt tuổi ấu nhi, trẻ có thể tri giác chính xác các thuộc tính hình dạng, độ lớn, màu sắc theo đối tượng, vị trí của chúng trong không gian và có thể so sánh những thuộc tính của đối tượng khác với chúng.

b. Về trí nhớ

- Khi bắt đầu biết đi, trẻ hai tuổi được tiếp xúc được nhiều đối tượng, đồ vật và được sử dụng chúng nên tri thức của trẻ về thế giới xung quanh giàu thêm. Trẻ không chỉ nhận lại tốt mà nhớ lại khá nhiều. Chẳng hạn, trẻ có thể thực hiện được những việc giao phó đơn giản “hãy đặt thìa xuống”... Trẻ có thể nhớ lại được bài hát, bài thơ, câu ca dao... đơn giản
- Đến 3 tuổi, trí nhớ của trẻ tốt hơn, trẻ nhớ nhiều hơn, trí nhớ liên hệ chặt chẽ với lời nói. Trên cơ sở trí nhớ vận động những hành động thực hành bước đầu đã có, tuy chưa bền vững, chưa được hoàn chỉnh. Ví dụ: trẻ nhớ được người thân đã gặp từ hôm trước...
- Trẻ nhớ không chủ định, trẻ không có ý thức buộc mình phải nhớ một điều gì, trẻ chỉ nhớ những gì hấp dẫn đối với trẻ. Vì vậy, trí nhớ của trẻ không đầy đủ và chính xác, dễ nhớ và cũng hay quên.

c. Về nhận thức lí tính

** Về tưởng tượng:*

- Ở trẻ 2 tuổi có những biểu hiện đầu tiên của tưởng tượng ở trong trò chơi có chủ đề của trẻ, trong hứng thú nghe người lớn kể những câu chuyện đơn giản.
- Trong giai đoạn mới phát triển, tưởng tượng của trẻ còn mờ nhạt, nội dung nghèo nàn, mang tính chất tái tạo thụ động và mang tính chất không chủ định. Trẻ thường lặp lại những hành động đơn giản mà trẻ đã nhiều lần quan sát thấy ở nhà hay ở nhà trẻ, ví dụ: đặt em bé xuống giường, cho ăn...

- Trẻ khó bỏ sung một sự vật nào đó còn thiếu trong trò chơi bằng vật khác mà trẻ nghĩ ra, tưởng tượng ra vật đang cần.
- Trẻ dễ lẫn lộn tưởng tượng và thực tế, ví dụ dễ nhầm hình ảnh phim truyện với hình ảnh thực.

* Về tư duy

- Sự phát triển tư duy của trẻ bắt đầu từ lúc 2 tuổi, là lúc trẻ biết xác lập mối quan hệ chưa có sẵn giữa các đồ vật để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn đặt ra. Ví dụ: Trẻ lấy quả bóng lăn vào gầm bàn bằng cách lấy gậy khuấy bóng ra. Tuy nhiên, việc xác lập mối quan hệ đó nhiều khi chỉ là do ngẫu nhiên. Điều quan trọng ở tuổi ấu nhi là trẻ học được những hành động xác lập mối quan hệ giữa các đồ vật để giải quyết một nhiệm vụ thực tiễn nào đó. Việc đó chỉ có thể thực hiện được trong hoạt động với đồ vật nhờ sự giúp đỡ của người lớn.
- Việc chuyển từ biết sử dụng những mối liên hệ có sẵn hay những mối liên hệ do người lớn chỉ ra sang biết xác lập những mối liên hệ mới giữa các đối tượng là một bước rất quan trọng đối với sự phát triển tư duy của trẻ em. Đó là dấu hiệu của khả năng “bỗng nhiên hiểu ra” (insight) và cũng là dấu hiệu đã làm theo của biểu tượng – J. Piaget gọi trí khôn đó là trí khôn cảm giác – vận động hay giác động.
- Trẻ ấu nhi sử dụng tư duy trực quan – hành động để “nghiên cứu” những mối liên hệ trong thế giới đồ vật xung quanh, loại tư duy này được hình thành trong quá trình thực hiện bằng hành động trực tiếp với đồ vật mang tính chất thử nghiệm nhiều khi ngẫu nhiên tìm ra cách làm, nhờ sự hướng dẫn của người lớn.
- Trẻ có khả năng khái quát ban đầu mang tính độc đáo, trẻ chú ý đến nét bề ngoài của sự vật, hiện tượng và khái quát chúng theo sự giống nhau bên ngoài. Trong sự hình thành những khái quát ban đầu tức là sự hợp nhất trong óc những đồ vật, những hành động có dấu hiệu bề ngoài giống nhau, thì việc lĩnh hội các từ ngữ giữ vai trò hết sức quan trọng; bởi vì ý nghĩa của từ mà người lớn dạy cho trẻ luôn luôn được dùng với ý nghĩa khái quát.

Trẻ dần nhận ra là có một tên gọi chung cho nhiều đồ vật có cùng công dụng, tuy nhiên, đối với những đồ vật có cùng một công dụng nhưng lại có thuộc tính bên ngoài khác nhau thì trẻ rất khó nhận ra.

- Trong khi hoạt động với đồ vật, đặc biệt khi thực hiện những hành động công cụ, không những trẻ nhận ra các chức năng chung của các đồ vật

mà còn nhận ra rằng có nhiều hành động với các công cụ khác nhau nhưng lại có cùng một mục đích.

- Tóm lại, kiểu tư duy chủ yếu của trẻ ấu nhi là trực quan – hành động. Sự phát triển tư duy của trẻ gắn liền với hoạt động đồ vật, trong đó đặc biệt quan trọng là việc thực hiện những hành động công cụ. Đến cuối tuổi ấu nhi bắt đầu xuất hiện một số hành động tư duy thực hiện trong óc không cần phép thử bên ngoài. Đó là kiểu tư duy trực quan – hình tượng, chỉ sử dụng trong khi giải bài toán đơn giản nhất, còn chủ yếu vẫn sử dụng tư duy trực quan hành động.

2.3. CÁCH TIẾN HÀNH

- Nghiên cứu văn bản và tài liệu.
- Tự quan sát trẻ trên thực tế ở lớp.
- Trao đổi nhóm, phân tích, rút ra những đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ lứa tuổi ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng) và những khó khăn mà giáo viên gặp phải trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ nếu không hiểu rõ các đặc điểm đó.
- Chỉ ra một số khác biệt về đặc điểm phát triển nhận thức giữa trẻ ở lứa tuổi ấu nhi và hài nhi làm cơ sở để tìm hiểu, đánh giá, tác động chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.

2.4. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích đặc điểm hoạt động nhận thức cảm tính của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng). Cho một ví dụ minh họa.
- Phân tích đặc điểm trí nhớ của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng). Cho một ví dụ minh họa.
- Phân tích đặc điểm tưởng tượng của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng). Ghi chép lại điều trẻ nói, sưu tầm sản phẩm nặn, vẽ của trẻ. Những thông tin, hình ảnh đó nói lên đặc điểm gì trong hoạt động tưởng tượng của trẻ.
- Phân tích đặc điểm tư duy của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng). Mô tả kiểu tư duy trực quan hành động của trẻ dưới 3 tuổi trong hoạt động với đồ vật.
- Đề xuất biện pháp phát triển hoạt động nhận thức cho trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng).

2.5. PHẢN HỒI

- Nắm vững những nội dung chính ở phần thông tin về đặc điểm phát triển hoạt động nhận thức của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng).

- Biện pháp phát triển hoạt động nhận thức cho trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng):
- + Giữ gìn vệ sinh thân thể, phòng chữa bệnh kịp thời, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt đối với trẻ.
- + Tích cực rèn luyện các giác quan cho trẻ.
- + Dạy trẻ quan sát đối tượng một cách có hệ thống.
- + Sử dụng khéo léo phương pháp trình bày trực quan nhằm gây hứng thú cho trẻ.
- + Tạo điều kiện cho trẻ tham gia hoạt động khác nhau để hình thành tính tích cực của trẻ trong việc ghi nhớ.
- + Tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc nhiều với thiên nhiên, cuộc sống để làm giàu vốn sống, trí tưởng tượng phong phú.

Hoạt động 3: Xác định đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mẫu giáo (từ 3 tuổi đến 6 tuổi)

3.1. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi);
- Liên hệ được với thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi này ở nhà trường mầm non hiện nay;
- Xác định được mục tiêu phát triển nhận thức trong chương trình giáo dục mầm non mới hiện nay ở trẻ trong lứa tuổi này.

3.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

a. Về nhận thức cảm tính

- Cảm giác của trẻ ở lứa tuổi này ngày càng nhạy cảm hơn và chính xác hơn.
- Ở trẻ đầu tuổi mẫu giáo, tri giác không chủ định là chủ yếu, hay tri giác những gì gần gũi với trẻ, có liên quan đến nhu cầu và hứng thú của trẻ, do đó trẻ hay di chuyển chú ý, tri giác tản mạn, không hệ thống.
- Trong tuổi mẫu giáo, trẻ dần dần tri giác lâu hơn và đầy đủ hơn. Trẻ biết tri giác theo hướng dẫn của người lớn và biết kiểm tra tri giác của mình theo yêu cầu đề ra. Nhờ vậy hình ảnh tri giác thực tại xung quanh nảy sinh trong đầu trẻ dần dần có nội dung phong phú và chính xác hơn.